

Mục tiêu: **PH** Ôn tập bổ sung về số tự nhiên **ÂN 1**

✓ Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên

✓ Ôn tập về giải toán

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Trong các số sau, số có chữ số 5 **không** thuộc lớp nghìn là?

- A. 375 648 B. 538 792 C. 873 521 D. 548 321

Câu 2. Giá trị của chữ số 3 trong số 132 492 105 là:

- A. 30 000 000 B. 3 000 000 C. 300 000 D. 30

Câu 3. Trong các phép tính sau đây, phép tính nào có kết quả bé nhất?

- A. 320×100 B. $300\,000 : 100$ C. $230 \times 1\,000$ D. $200\,000 : 10$

Câu 4. Sắp xếp các số 525 362; 524 289; 525 623; 526 218 theo thứ tự từ lớn đến bé:

- A. 524 289; 525 362; 525 623; 526 218 B. 524 289; 525 623; 525 362; 526 218
C. 526 218; 525 362; 525 623; 524 289 D. 526 218; 525 623; 525 362; 524 289

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ trống lần lượt là:

$$25\,050 = \dots + 5\,000 + \dots$$

- A. 50 và 20 000 B. 25 000 và 50 C. 50 và 25 000 D. 20 000 và 50

Câu 6. Số thích hợp điền vào ô trống để $264 : \square = 22$ là:

- A. 20 B. 12 C. 22 D. 21

Câu 7. Có 23 518 người đến tham gia lễ hội ẩm thực. Hỏi lễ hội có khoảng bao nhiêu nghìn người?

- A. 24 000 B. 23 500 C. 23 000 D. 20 000

Câu 8. Số trung bình cộng của hai số bằng 50. Biết một trong hai số đó bằng 46. Số hạng còn lại là:

A. 48

B. 100

C. 54

D. 96

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Hoàn thành bảng sau.

Số gồm	Viết số	Đọc số
3 chục nghìn, 5 nghìn, 1 trăm, 8 chục và 2 đơn vị		
6 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 7 trăm và 5 đơn vị		
4 triệu, 3 trăm nghìn, 5 nghìn và 8 đơn vị		
2 chục triệu, 2 triệu, 3 trăm nghìn, 9 chục nghìn, 1 nghìn, 2 chục, 5 đơn vị		

Bài 2. Điền dấu thích hợp vào chỗ trống.

$$100\ 000 \dots 99\ 999$$

$$34\ 125 \times 12 \dots 2 \times 34\ 125 \times 6$$

$$275 \dots 275\ 000 \cdot 100$$


$$25\ 526 \dots 35\ 625$$

$$52\ 300 + 48\ 600 \dots 48\ 600 + 51\ 300$$

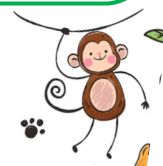
$$215 \times 8 + 385 \times 8 \dots 8 \times 600$$

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ☐

☐ a) 1 là số tự nhiên bé nhất.

☐ b) Trong số 80 080 080, các chữ số 8 có giá trị là 80.

☐ c) Từ các thẻ số 9, 0, 4, 8, 2 lập được số bé nhất có 5 chữ số khác nhau là: 20 489.



☐ d) Số 26 106 thuộc dãy số 1, 3, 5, 7, 9, ...

Bài 4. Đặt tính rồi tính.



a) $527\,218 + 238\,746$

.....
.....
.....



c) $35\,182 \times 23$

.....
.....
.....



b) $593\,735 - 241\,926$

.....
.....
.....



d) $35\,844 : 29$

.....
.....
.....



Bài 5. Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

a) $8\,615 - 416 \times 5$

=
=
=

b) $(536 - 184) : 22$

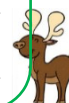
=
=
=

c) $108 \times 12 + 3\,136 : 14$

=
=
=

d) $2\,371 \times 43 + 2\,371 \times 57$

=
=
=



Bài 6. Trong tiết học câu lạc bộ Mỹ thuật, với chủ đề “Làm tranh treo tường”, nhóm của bạn Vân chọn làm sản phẩm từ các loại lá cây khô. Cứ 30 lá cây khô, các bạn làm ra 2 bức tranh. Hỏi nhóm làm 8 bức tranh như thế thì cần bao nhiêu lá cây khô?



Bài giải

.....

....

.....

....

.....

....

.....

....

.....

Bài 7. Rùa hơn gấu 26 tuổi, 3 năm nữa số tuổi của cả rùa và gấu là 50. Tính tuổi hiện nay của mỗi con vật.

Bài giải

.....

....

.....

....

.....

....

.....

.....

....

.....

....

.....

....

ĐÁP ÁN – PHIẾU ÔN TẬP CUỐI TUẦN 1

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
Đáp án	C	A	B	D	D	B	A	C

Câu 1. Đáp án đúng là: C

Hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn tạo thành **lớp nghìn**.

- A. Số 37**5** 648 có chữ số 5 thuộc hàng nghìn, lớp nghìn.
- B. Số **5**38 792 có chữ số 5 thuộc hàng trăm nghìn, lớp nghìn.
- C. Số 873 **5**21 có chữ số 5 thuộc hàng trăm, lớp đơn vị.
- D. Số **5**48 321 có chữ số 5 thuộc hàng trăm nghìn, lớp nghìn.

Vậy số 873 **5**21 có chữ số 5 **không** thuộc lớp nghìn.

Câu 2. Đáp án đúng là: A

Trong số 132 492 105 chữ số 3 ở vị trí hàng chục triệu nên có giá trị là 30 000 000.

Câu 3. Đáp án đúng là: B

Khi nhân một số với 10, 100, 1 000, ... ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba, ... chữ số 0 vào bên phải số đó.

Khi chia một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, ... cho 10, 100, 1 000, ta chỉ việc bỏ bớt đi một, hai, ba chữ số 0 ở bên phải số đó.

A. $320 \times 100 = 32\ 000$

B. $300\ 000 : 100 = 3\ 000$

C. $230 \times 1\ 000 = 230\ 000$

D. $200\ 000 : 10 = 20\ 000$

So sánh các kết quả của phép tính: $3\ 000 < 20\ 000 < 32\ 000 < 230\ 000$

Vậy phép tính có kết quả bé nhất là: $300\ 000 : 100$

Câu 4. Đáp án đúng là: D

So sánh hai số tự nhiên

- Trong hai số tự nhiên có số chữ số khác nhau: Số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn, số nào có ít chữ số hơn thì nhỏ hơn.

- Để so sánh hai số tự nhiên có số chữ số bằng nhau, ta lần lượt so sánh từng cặp chữ số trên cùng một hàng (tính từ trái sang phải) cho đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau. Ở cặp chữ số khác nhau đó, chữ số nào lớn hơn thì số tự nhiên chứa chữ số đó lớn hơn.

Ta so sánh các số đã cho: $52\textcolor{red}{6}\ 218 > 52\textcolor{red}{5}\ \textcolor{green}{6}23 > 52\textcolor{red}{5}\ \textcolor{green}{3}62 > 52\textcolor{red}{4}\ 289$

Vậy sắp xếp các số đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé ta được:

$$526\ 218; 525\ 623; 525\ 362; 524\ 289$$

Câu 5. Đáp án đúng là: D

Viết số 25 050 thành tổng, ta được: $25\ 050 = \textcolor{red}{20\ 000} + 5\ 000 + \textcolor{red}{50}$

Vậy số thích hợp điền vào chỗ trống lần lượt là: 20 000 và 50

Câu 6. Đáp án đúng là: B

Để tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương.

$$264 : 22 = 12$$

$$\begin{array}{r|l} 264 & 22 \\ 44 & 12 \\ \hline 0 \end{array}$$

Vậy số thích hợp để điền vào ô trống là: 12

Câu 5. Đáp án đúng là: A

Khi làm tròn số đến hàng nghìn, ta so sánh chữ số hàng trăm với 5. Nếu chữ số hàng trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Số 23 518 có chữ số hàng trăm là 5, nên khi làm tròn đến hàng nghìn ta làm tròn lên. Làm tròn số 23 518 đến hàng nghìn thì được số 24 000.

Câu 6. Đáp án đúng là: C

Muốn tìm trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng các số đó, rồi đem tổng đó chia cho số các số hạng.

Muốn tìm tổng các số ta lấy trung bình cộng nhân với số các số hạng.

Tổng của hai số đó là: $50 \times 2 = 100$

Số hạng còn lại là: $100 - 46 = 54$

PHẦN I. TỰ LUẬN

Bài 1.

Số gồm	Viết số	Đọc số
3 chục nghìn, 5 nghìn, 1 trăm, 8 chục và 2 đơn vị	35 182	Ba mươi lăm nghìn một trăm tám mươi hai
6 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 7 trăm và 5 đơn vị	620 705	Sáu mươi hai nghìn bảy trăm linh năm
4 triệu, 3 trăm nghìn, 5 nghìn và 8 đơn vị	4 305 008	Bốn triệu ba trăm linh năm nghìn không trăm linh tám

2 chục triệu, 2 triệu, 3 trăm nghìn, 9 chục nghìn, 1 nghìn, 2 chục, 5 đơn vị	22 391 025	Hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi một nghìn không trăm hai mươi lăm
--	------------	--

Bài 2.

$$100\ 000 > 99\ 999$$

$$25\ 526 < 35\ 625$$

$$34\ 125 \times 12 = 2 \times 34\ 125 \times 6$$

$$52\ 300 + 48\ 600 > 48\ 600 + 51\ 300$$

Giải thích:

Giải thích:

$$2 \times 34\ 125 \times 6 = 34\ 125 \times 6 \times 2 \\ = 34\ 125 \times 12$$

Cả hai vế đều có số hạng 48 600 nên ta sẽ so sánh hai số hạng còn lại:

$$\text{Vậy } 34\ 125 \times 12 = 2 \times 34\ 125 \times 6$$

$$52\ 300 > 51\ 300$$

Vậy

$$52\ 300 + 48\ 600 > 48\ 600 + 51\ 300$$

$$275 < 275\ 000 : 100$$

$$215 \times 8 + 385 \times 8 = 8 \times 600$$

Giải thích:

Giải thích:

$$275\ 000 : 100 = 2\ 750$$

$$215 \times 8 + 385 \times 8 = (215 + 385) \times 8$$

$$\text{Mà } 275 < 2\ 750$$

$$= 600 \times 8 = 8 \times 600$$

$$\text{Vậy } 275 < 275\ 000 : 100$$

$$\text{Vậy } 215 \times 8 + 385 \times 8 = 8 \times 600$$

Bài 3.

S a) 1 là số tự nhiên bé nhất.

S b) Trong số 80 080 080, các chữ số 8 có giá trị là 80.

D c) Từ các thẻ số 9, 0, 4, 8, 2 lập được số bé nhất có 5 chữ số khác nhau là: 20 489.

S d) Số 26 106 thuộc dãy số 1, 3, 5, 7, 9, ...

Giải thích:

a) 0 là số tự nhiên bé nhất.

b) Các chữ số 8 trong số 80 080 080 từ trái sang phải có giá trị lần lượt là 80 000 000;

80 000; 80.

d) Dãy số 1, 3, 5, 7, 9, ... là dãy các số lẻ liên tiếp mà 26 106 là số chẵn
Vậy số 26 106 **không thuộc** dãy số 1, 3, 5, 7, 9, ...

Bài 4.

$$\begin{array}{r} + \\ 527\,218 \\ 238\,746 \\ \hline \end{array}$$

a)

$$765\,964$$

$$\begin{array}{r} - \\ 593\,735 \\ 241\,926 \\ \hline \end{array}$$

b)

$$351\,809$$

$$\begin{array}{r} \times \\ 35\,182 \\ 23 \\ \hline 105\,546 \\ 703\,64 \\ \hline \end{array}$$

c)

$$809\,186$$

$$\begin{array}{r|l} 35\,844 & 29 \\ \hline 68 & 1236 \\ 104 & \\ 174 & \\ \hline 0 & \end{array}$$

d)

$$0$$

Bài 5.

a) $8\,615 - 416 \times 5$

$$= 8\,615 - 2\,080$$

$$= 6\,535$$

c) $108 \times 12 + 3\,136 : 14$

$$= 1\,296 + 224$$

$$= 1\,520$$

b) $(536 - 184) : 22$

$$= 352 : 22$$

$$= 16$$

d) $2\,371 \times 43 + 2\,371 \times 57$

$$= 2\,371 \times (43 + 57)$$

$$= 2\,371 \times 100$$

$$= 237\,100$$

Bài 6.

Bài giải

Mỗi bức tranh cần số lá cây khô là:

$$30 : 2 = 15 \text{ (lá)}$$

8 bức tranh cần số lá cây khô là:

$$15 \times 8 = 120 \text{ (lá)}$$

Đáp số: 120 lá cây khô.

Bài 7.**Bài giải**

Tổng số tuổi của rùa và gấu hiện nay là:

$$50 - 3 - 3 = 44 \text{ (tuổi)}$$

Số tuổi của rùa là:

$$(44 + 26) : 2 = 35 \text{ (tuổi)}$$

Số tuổi của gấu là:

$$35 - 26 = 9 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: rùa 35 tuổi, gấu 9 tuổi.



➔ Mời bạn QUYẾT MÃ ZALO vào nhóm zalo Giáo án điện tử lớp 12345 miễn phí